

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29-11-2021

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa  
chị H-Anh Th”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Đức

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phạm Ngọc Túy.

2. Trần Quang Đường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Đỗ Th, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xóm 2, thôn L, xã V, huyện L1, tỉnh Lâm Đồng.

*(Tại phiên tòa có mặt chị H, Anh Th có đơn xin xử án vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Đỗ Th tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Q vào ngày 11/3/2005, sau khi kết hôn cả hai đều sinh sống tại xã H1, sau đó chuyển vào Lâm Đồng sinh sống. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2019 cho tới nay vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh Th.

-Về con chung: Chị H khai chị và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Nam

A, sinh ngày 07/01/2007 đang ở với anh Th và Nguyễn Đỗ Vạn Ph, sinh ngày 16/6/2015 đang ở với chị. Ly hôn xảy ra chị đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

-Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Đỗ Th: Tại đơn xin xử án vắng mặt ngày 12/7/2021 và ngày 09/11/2021 anh Th trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh xác nhận lời khai của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn, nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí xin được ly hôn chị H. Về con chung anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H đã khai, anh đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung anh Th khai vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Đỗ Th. Anh Th là bị đơn, đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thôn L, xã V, huyện L1, tỉnh Lâm Đồng, anh Th đã có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết vụ kiện nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bị đơn đã có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt gửi Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đỗ Th được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện Q vào ngày 11/3/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai sinh sống cùng gia đình anh Th tại xã H1, sau đó cả hai chuyển vào tỉnh Lâm Đồng sinh sống, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2019 mâu thuẫn càng tăng, chị H đã trở về xã T, huyện Q sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn khởi kiện ly hôn, Anh Th đã làm đơn lựa chọn Tòa án huyện Quỳnh Phụ là nơi giải quyết vụ kiện ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự, Anh Th đã có đơn xin xử án vắng mặt (*Có xác nhận của UBND xã V*) gửi Tòa án. Nội dung đơn anh Th xác nhận

tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn và đề nghị xin được ly hôn chị H, do công việc và đường xá xa xôi, anh không thể về Tòa án Quỳnh Phụ tham gia tố tụng được, anh đề nghị xin được xử án vắng mặt. Đối với chị H quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Th là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Đỗ Nam A, sinh ngày 07/01/2007 đang ở với anh Th và Nguyễn Đỗ Vạn Ph, sinh ngày 16/6/2015 đang ở với chị H. Chị H và anh Th đều đề nghị giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy các con chung đang sinh sống và ổn định học tập tại nơi cư trú, cháu A có ý kiến xin được ở với anh Th, vì vậy cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay và hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị H và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phân tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đỗ Th.

2/Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Th nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đỗ Nam A, sinh ngày 07/01/2007. Chị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đỗ Vạn Ph, sinh ngày 16/6/2015. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H và Anh Th có quyền thăm nom con chung.

3/Về tài sản chung: Chị H và Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004482 ngày 11/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn

kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã H1.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN MINH ĐỨC**